



TỔNG ĐIỀU TRA KINH TẾ NĂM 2017

Phiếu 2B/TĐTKT-VT

Cơ sở số (CQ thống kê ghi)

PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ĐIỀU TRA MẪU VỀ CƠ SỞ KINH DOANH CÁ THỂ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI, KHO BÃI

Thực hiện Quyết định số 1672/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Tổng điều tra kinh tế năm 2017.

- Nghĩa vụ cung cấp thông tin được quy định theo Luật Thống kê;
- Thông tin cung cấp theo phiếu này chỉ nhằm phục vụ công tác thống kê và được bảo mật theo Luật định.

Nguyên tắc điền phiếu:

- Không ghi thông tin vào các ô có ký hiệu (x);
- Đối với câu hỏi/mục lựa chọn, khoanh tròn vào mã số tương ứng với câu trả lời thích hợp;
- Đối với những câu hỏi/mục ghi thông tin, số liệu, ghi vào đúng ô hoặc bảng tương ứng.

1. Tên cơ sở SXKD (Viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu):

2. Địa chỉ của cơ sở:

Cơ quan TK ghi

Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương:

--	--

Huyện/quận (thị xã, thành phố thuộc tỉnh):

--	--	--

Xã/phường/thị trấn:

--	--	--	--	--

Thôn, ấp (số nhà, đường phố):

Mã khu vực

Số máy

Số điện thoại:

--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Số fax của cơ sở:

--	--	--	--

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

Email của cơ sở:

MỤC A. ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

A1. Ngành SXKD chính của cơ sở?

Cơ quan TK ghi

--	--	--	--	--

VSIC 2007 - Cấp 5

(Là ngành tạo ra GTSX lớn nhất hoặc có doanh thu lớn nhất hoặc ngành sử dụng nhiều lao động nhất)

A2. Địa điểm SXKD của cơ sở ông/bà thuộc loại nào? (chỉ chọn một mã, trừ mã 3)

1. Địa điểm SXKD tại đường phố, ngõ xóm là nhà của chủ cơ sở
2. Địa điểm SXKD tại đường phố, ngõ xóm, cơ sở đi thuê (hoặc mượn)
3. Là cửa hàng tiện ích (minimax)
4. Tại siêu thị, trung tâm thương mại
5. Tại chợ kiên cố, bán kiên cố (cửa hàng, quầy hàng...)
6. Tại địa điểm khác (ghi rõ).....

A3. Ông/bà cho biết một số thông tin dưới đây về người chủ của cơ sở SXKD này?*(Mục "Họ và tên" viết đầy đủ bằng chữ in hoa, có dấu)*

- Họ và tên:.....

- Giới tính: 1. Nam 2. Nữ Năm sinh

--	--	--	--

- Dân tộc (Nếu là người nước ngoài ghi dân tộc là "Nước ngoài"):.....

--	--

- Quốc tịch (Nếu có 2 quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất):.....

--	--

- Trình độ chuyên môn được đào tạo:

- | | |
|-------------------------|--------------------------------|
| 1. Chưa qua đào tạo | 6. Đại học |
| 2. Đào tạo dưới 3 tháng | 7. Thạc sỹ |
| 3. Sơ cấp | 8. Tiến sỹ |
| 4. Trung cấp | 9. Trình độ khác (ghi rõ)..... |
| 5. Cao đẳng | |

A4. Hoạt động SXKD của cơ sở thường diễn ra trong khoảng thời gian nào?*(ghi thời gian cụ thể. Thời gian hoạt động SXKD của một ngày được tính từ 0h01' đến 24h00')*

Từ..... đến.....

A5. Tình trạng đăng ký kinh doanh của cơ sở ông/bà thuộc loại nào dưới đây?

- | | |
|---|---|
| 1. Đã có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | 3. Đã đăng ký KD nhưng chưa được cấp giấy |
| 2. Chưa có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh | 4. Không phải đăng ký kinh doanh |

A6. Cơ sở của ông/bà có mã số thuế kinh doanh hay không?

- | | | |
|-------|----------|-----------------|
| 1. Có | 2. Không | → Chuyển câu A8 |
|-------|----------|-----------------|

A7. Ông/bà cho biết mã số thuế của cơ sở?

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

A8. Ông/bà cho biết thời gian hoạt động SXKD của cơ sở trong 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2017 như thế nào?

- Số ngày SXKD bình quân 1 tháng trong 6 tháng đầu năm 2017

		ngày
--	--	------

- Số tháng SXKD trong 6 tháng đầu năm 2017

	tháng
--	-------

- Dự kiến số tháng SXKD trong 6 tháng cuối năm 2017

	tháng
--	-------

MỤC B. LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG*(Chỉ tính số lao động của cơ sở trên cùng xã/phường, không tính số lao động của các cơ sở khác xã/phường)***B1. Lao động (kể cả chủ cơ sở) làm việc tại cơ sở của ông/bà vào thời điểm 01/7/2017?**

	Mã số	Số lượng (Người)
A	B	I
Tổng số	01	
Trong tổng số:		
- Lao động là nữ	02	
- Lao động thuê ngoài	03	
- Lao động cơ sở không phải trả tiền công	04	
- Lao động là người nước ngoài	05	
Phân theo nhóm tuổi:		
1. Từ 16 đến 30 tuổi	06	
2. Từ 31 đến 45 tuổi	07	
3. Từ 46 đến 55 tuổi	08	
4. Từ 56 đến 60 tuổi	09	
5. Trên 60 tuổi	10	

	Mã số	Số lượng (Người)
A	B	1
Phân theo trình độ chuyên môn được đào tạo:		
1. Chưa qua đào tạo	11	
2. Đào tạo dưới 3 tháng	12	
3. Sơ cấp	13	
4. Trung cấp	14	
5. Cao đẳng	15	
6. Đại học	16	
7. Thạc sỹ	17	
8. Tiến sỹ	18	
9. Trình độ khác.....	19	

B2. Bình quân một tháng (trong 6 tháng đầu năm 2017), cơ sở của ông/bà phải chi trả cho một nhân công thuê ngoài là bao nhiêu? (tính tất cả các khoản chi trả, kể cả bảo hiểm)

Đơn vị tính: 1000 đồng

MỤC C. SỐ TIỀN THU ĐƯỢC DO BÁN HÀNG/CUNG CẤP DỊCH VỤ

(Bao gồm cả vốn và lãi)

C1. Ông/bà cho biết bình quân một ngày hoặc bình quân một tháng cơ sở thu được bao nhiêu tiền phí vận chuyển và cung cấp dịch vụ? (trong 6 tháng đầu năm 2017) (lựa chọn một trong hai cột: cột 1 hoặc cột 2)

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Bình quân một ngày	Bình quân một tháng
A	B	1	2
Cơ sở kê khai	01		
Điều tra viên tính	02		

C2. Ông/bà cho biết tổng số tiền nhận được do vận chuyển và cung cấp từng dịch vụ dưới đây?(*)

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến 6 tháng cuối năm 2017
A	B	1	2
1. Vận chuyển hành khách			
- Cơ sở kê khai	01		
- Điều tra viên tính	02		
2. Vận chuyển hàng hóa			
- Cơ sở kê khai	03		
- Điều tra viên tính	04		
3. Dịch vụ kho, bãi, lưu giữ hàng hóa			
- Cơ sở kê khai	05		
- Điều tra viên tính	06		
4. Dịch vụ bốc xếp			
- Cơ sở kê khai	07		
- Điều tra viên tính	08		
5. Dịch vụ hỗ trợ vận tải khác			
- Cơ sở kê khai	09		
- Điều tra viên tính	10		

(*). Nếu tổng số tiền bán hàng cả năm 2017 do cơ sở kê khai từ 100 triệu đồng trở lên, hỏi tiếp các câu hỏi mục H.

MỤC D. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ NGUỒN VỐN CỦA CƠ SỞ

(Đối với TSCĐ chỉ tính những tài sản thuộc quyền sở hữu của cơ sở, không tính tài sản đi thuê dùng cho hoạt động SXKD, có giá mua từ 10 triệu đồng trở lên và thời gian sử dụng trên 01 năm)

	Mã số	Giá trị (1000 đồng)
A	B	1
D1. Tổng trị giá tài sản cố định có đến 01/7/2017 của cơ sở dùng trong SXKD (tính theo giá mua tài sản của cơ sở)	01	
<i>Trong đó: Máy móc, thiết bị</i>	02	
D2. Giá trị hao mòn tài sản cố định của cơ sở trong một năm	03	
D3. Tổng giá trị hao mòn tài sản cố định tính đến 01/7/2017	04	
D4. Tổng số tiền cơ sở đang vay, phải trả nợ tính đến 01/7/2017	05	
D5. Số vốn của chính cơ sở có để thực hiện SXKD	06	

MỤC E. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Trong năm 2017, cơ sở sản xuất của ông/bà phải nộp các khoản thuế, phí và lệ phí là bao nhiêu?

Đơn vị tính: 1000 đồng

	Mã số	Số phải nộp 6 tháng đầu năm 2017	Số đã nộp 6 tháng đầu năm 2017	Dự kiến phải nộp 6 tháng cuối năm 2017
A	B	1	2	3
Tổng số	01			
<i>Trong đó:</i>				
+ Thuế GTGT	02			
+ Thuế môn bài	03	x		

MỤC F. KHỐI LƯỢNG VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

F1. Ông/bà cho biết một số thông tin dưới đây về vận chuyển hành khách và hàng hóa của cơ sở trong năm 2017?

	Đơn vị tính	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2017	Dự tính 6 tháng cuối năm 2017
A	B	1	2
1. Vận chuyển hành khách			
- Số lượt hành khách vận chuyển	<i>H.Khách</i>		
- Số lượt hành khách luân chuyển	<i>HK.Km</i>		
2. Vận chuyển hàng hóa			
- Khối lượng hàng hóa vận chuyển	<i>Tấn</i>		
- Khối lượng hàng hóa luân chuyển	<i>Tấn.Km</i>		

F2. Ông/bà cho biết một số thông tin về số lượng và trọng tải của một số phương tiện vận chuyển của cơ sở có đến ngày 01/7/2017?

Loại phương tiện	Mã số	Số phương tiện (chiếc)	Trọng tải (chỗ/tấn)
A	B	1	2
I. Phương tiện chở khách <i>(cột trọng tải ghi số chỗ ngồi)</i>			
- Ô tô chở khách từ 9 chỗ trở lên	01		
- Ô tô chở khách dưới 9 chỗ ngồi	02		
- Tàu, thuyền, ca nô chở khách	03		
- Phương tiện cơ giới khác	04		
- Phương tiện chở khách thô sơ	05		

Loại phương tiện	Mã số	Số phương tiện (chiếc)	Trọng tải (chỗ/tấn)
A	B	1	2
2. Phương tiện chở hàng (cột trọng tải ghi tắt)			
- Ô tô vận tải hàng hóa từ 5 tấn trở lên	06		
- Ô tô vận tải hàng hóa dưới 5 tấn	07		
- Tàu, thuyền, ca nô vận tải hàng hóa	08		
- Phương tiện cơ giới khác	09		
- Phương tiện vận tải hàng hóa thô sơ	10		

MỤC G. SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

G1. Cơ sở của ông/bà có sử dụng máy tính trong SXKD không?

(không kể số máy tính của cơ sở sử dụng KD dịch vụ internet hoặc trò chơi điện tử)

1. Có

2. Không

→ Chuyển câu G3

G2. Số lao động thường xuyên sử dụng máy tính tại cơ sở của ông/bà?

Người

G3. Cơ sở của ông/bà có kết nối mạng internet không?

1. Có

2. Không

→ Chuyển mục H nếu DT cơ sở khai từ 100 triệu đồng trở lên

G4. Tại cơ sở của ông/bà có bao nhiêu lao động thường xuyên truy cập internet

(ít nhất 1 lần một tuần)

Người

G5. Cơ sở có trang thông tin điện tử riêng nào không?

(có website riêng hoặc có một trang riêng của cơ sở được hiện trên bất cứ một website nào)?

1. Có

2. Không

Nếu có, ghi rõ tên miền Website của cơ sở

G6. Cơ sở có sử dụng internet để thực hiện các công việc dưới đây không?

(khoanh vào số thứ tự của từng mục nếu cơ sở có thực hiện).

1. Giao/nhận việc và trao đổi trực tiếp với nhân viên qua mạng
2. Gửi và nhận email
3. Tìm kiếm thông tin liên quan đến chính sách, thị trường cung ứng và tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ
4. Học tập, nghiên cứu (trao đổi thông tin, tài liệu, học online...)
5. Giao dịch với các cơ quan, tổ chức khác (Tải form mẫu văn bản, nộp tờ khai thuế, kê khai hải quan, làm thủ tục hành chính...)
6. Cung cấp dịch vụ cho khách hàng
7. Hoạt động tài chính (Internet banking, đầu tư, hoạt động chứng khoán...)
8. Mua sắm, bán hàng, kinh doanh trên mạng
9. Tìm hiểu và kết nối, tương tác với khách hàng
10. Mục đích khác (ghi rõ).....

MỤC H. TIẾP CẬN NGUỒN VỐN VÀ Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP

(Chỉ thực hiện với các cơ sở có tổng doanh thu năm 2017 do cơ sở kê khai từ 100 triệu đồng trở lên)

H1. Trong hai năm qua, cơ sở của ông/bà đã từng vay vốn từ ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoặc các nguồn khác để sản xuất kinh doanh hay không?

1. Có 2. Không có nhu cầu vay (hoặc) 3. Không vay được **→ Chuyển câu H3**

H2. Nếu có, cơ sở ông bà thường vay vốn từ những nguồn nào?

1. Từ tổ chức tín dụng nhà nước 3. Từ tổ chức tín dụng ngoài nhà nước
2. Từ bạn bè, người thân trong gia đình 4. Từ nguồn khác (ghi rõ).....

H3. Trong năm 2017 và 2018, cơ sở của ông/bà có ý định thành lập doanh nghiệp hay không?

1. Có 2. Không **→ Chuyển câu H6**

H4. Lý do cơ sở mong muốn thành lập doanh nghiệp?

1. Được các cơ quan hỗ trợ, lo cho các thủ tục 4. Dễ tìm kiếm đối tác làm ăn
2. Dễ vay vốn từ Ngân hàng, quỹ tín dụng nhân dân hoặc tổ chức tín dụng khác 5. Lý do khác (ghi rõ).....
3. Được hưởng chính sách hỗ trợ của nhà nước

H5. Cơ sở đã tìm hiểu thông tin gì dưới đây để chuẩn bị thành lập doanh nghiệp?

1. Thông tin về đăng ký kinh doanh 3. Thông tin về vay vốn
2. Thông tin về thuế 4. Thông tin khác (ghi rõ).....

H6. Lý do cơ sở không muốn thành lập doanh nghiệp?

1. Không muốn thay đổi 4. Ngại phải giải trình với cơ quan chức năng
2. Phải nộp thuế cao hơn 5. Ngại thực hiện thủ tục đăng ký
3. Phải thực hiện báo cáo tài chính với CQ Thuế 6. Lý do khác (ghi rõ).....

Cảm ơn ông/bà đã dành thời gian cho cuộc phỏng vấn!

Điều tra viên

Tổ trưởng

Người trả lời phỏng vấn

Họ và tên:.....

Họ và tên:.....

Họ và tên:.....

Điện thoại:.....

Điện thoại:.....

Điện thoại:.....

Ký tên:.....

Ký tên:.....

Ký tên:.....

GIẢI THÍCH VÀ HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU

(1). Tên cơ sở: Ghi tên cơ sở theo biên hiệu, trường hợp cơ sở không có biên hiệu, ghi họ tên đầy đủ của chủ cơ sở hoặc người quản lý, điều hành hoạt động của cơ sở

(2). Địa chỉ của cơ sở: Trước khi đến cơ sở để phỏng vấn, điều tra viên phải ghi đầy đủ thông tin định danh của cơ sở như đã được liệt kê trong phiếu.

Mã số của tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương, huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, xã/phường/thị trấn ghi đúng theo danh mục hành chính.

(3). Số điện thoại, số fax, địa chỉ email của cơ sở: Ghi theo số và địa chỉ thường hay giao dịch và có thể liên lạc được trong trường hợp cần thiết.

MỤC A: ĐẶC ĐIỂM CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT KINH DOANH

- **Câu A1:** Mô tả rõ và chi tiết, không ghi chung chung là “sản xuất”, “bán” hoặc “dịch vụ”. Nếu cơ sở có hai hoạt động trở lên thì xác định ngành SXKD chính là ngành tạo ra giá trị sản xuất nhiều nhất.

- **Câu A2:** “Địa điểm SXKD của cơ sở”: không khoanh vào địa điểm “Là cửa hàng tiện ích” (mã 3).

- **Câu A3:** “Thông tin về người chủ của cơ sở”: Ghi đầy đủ các mục được liệt kê trong phiếu. Mã dân tộc, mã quốc tịch do cơ quan thống kê ghi, điều tra viên không ghi.

- Trình độ chuyên môn được đào tạo: Ghi theo bằng cấp/chứng nhận hiện có, nếu có hai bằng trở lên thì ghi theo bằng cao nhất. Trường hợp đang học, hoặc đã học xong nhưng chưa được nhận bằng và chưa có chứng nhận thì vẫn ghi theo bằng cấp đã có.

- Lao động làm nghề lâu năm; lao động làm các nghề (không phải của làng nghề) như: may mặc, thợ hàn tiện cơ khí, sửa chữa xe máy, sửa điện thoại, máy tính, ti vi,... không qua trường lớp, cơ sở đào tạo và không được cấp chứng chỉ, quy ước ghi vào trình độ khác nhưng cần ghi rõ.

- **Câu A4:** “Thời gian diễn ra hoạt động sản xuất kinh doanh”: Nếu cơ sở có hoạt động diễn ra tại 2 địa điểm trở lên thì tính thời điểm bắt đầu của cơ sở hoạt động sớm nhất trong ngày và thời điểm kết thúc muộn nhất của địa điểm kết thúc hoạt động muộn nhất.

- **Câu A5:** “Tình trạng đăng ký kinh doanh của cơ sở”:

(1). Đã có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Là cơ sở đã nhận được giấy chứng nhận ĐKKD do cơ quan có thẩm quyền cấp.

(2). Chưa có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Cơ sở thuộc diện phải đăng ký kinh doanh nhưng chưa thực hiện đăng ký kinh doanh, cơ sở trước đây đã được cấp nhưng vì lý do nào đó đã bị rút giấy chứng nhận ĐKKD.

(3). Đã đăng ký kinh doanh nhưng chưa được cấp GCNĐKKD: Cơ sở đã nộp hồ sơ tới phòng đăng ký kinh doanh nhưng đang trong thời gian chờ đợi được cấp giấy hoặc vì lý do nào đó, chủ cơ sở chưa nhận được giấy chứng nhận.

(4). Không phải đăng ký kinh doanh: Được quy định theo Điều 66 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP của Chính phủ về đăng ký kinh doanh ngày 14/9/2015.

- **Câu A6:** Nếu cơ sở có đăng ký mã số thuế kinh doanh và đã được cơ quan thuế chấp nhận để thu thuế cho hoạt động của cơ sở thì mới được coi là có mã số thuế kinh doanh. Trường hợp cơ sở đã đăng ký nhưng chưa được cấp mã số thuế kinh doanh thì vẫn được coi là cơ sở không có mã số thuế kinh doanh.

- **Câu A7:** Ghi đầy đủ mã số thuế (nếu có)

- **Câu A8:** “Thời gian hoạt động SXKD của cơ sở trong 6 tháng đầu năm và dự kiến 6 tháng cuối năm 2017”:

Số ngày SXKD bình quân một tháng trong 6 tháng đầu năm 2017: Chỉ tính số ngày mà cơ sở thực tế có sản xuất, kinh doanh, không tính thời gian nghỉ kinh doanh vì lý do sửa chữa nhà, thiếu nhân công hoặc lý do khác;

Số tháng SXKD trong 6 tháng đầu năm 2017: Tính số tháng thực tế theo năm dương lịch mà cơ sở có thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh;

Dự kiến số tháng SXKD trong 6 tháng cuối năm 2017: Số tháng cơ sở dự kiến thực hiện SXKD trong 6 tháng cuối năm 2017.

MỤC B: LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Câu B1: Tổng số lao động tại thời điểm 01/7/2017: Là toàn bộ số lao động do cơ sở trực tiếp quản lý, sử dụng và trả công hoặc không phải trả công. Cần lưu ý tính cả chủ cơ sở vào tổng số lao động của cơ sở. Tách riêng số lao động nữ vào cột tương ứng;

“Lao động theo độ tuổi” và “Lao động chia theo trình độ chuyên môn”: Ghi theo tổng số lao động của cơ sở có mặt tại thời điểm 1/7/2017 (gồm cả chủ cơ sở) vào từng dòng phân tổ tương ứng.

Câu B2: Số tiền chi trả cho một nhân công thuê ngoài bình quân một tháng (trong 6 tháng đầu năm 2017) bằng tổng số tiền mà chủ cơ sở chi trả cho người lao động cơ sở phải thuê chia (:) cho tổng số lao động thuê ngoài của cơ sở, sau đó chia cho số tháng SXKD trong 6 tháng đầu năm.

MỤC C: SỐ TIỀN THU ĐƯỢC DO BÁN HÀNG/CUNG CẤP DỊCH VỤ

- **Câu C1:** Chi cần hỏi cơ sở “số tiền thu được...” bình quân một ngày hoặc một tháng tùy theo từng loại hoạt động hoặc cách tính của từng cơ sở.

- **Câu C2:** Ghi tổng số tiền thu được (kể cả vốn và lãi) trong 6 tháng đầu năm và dự tính số 6 tháng cuối năm 2017 sau khi trừ đi các khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại... và được tách riêng theo từng loại hoạt động.

Điều tra viên ước tính số tiền thu được do cung cấp dịch vụ cần căn cứ vào việc quan sát qui mô SXKD của cơ sở như số đầu xe, diện tích kho bãi, lượng hàng hóa hoặc xe cộ gửi trông giữ, tham khảo các thông tin khác để dự tính số tiền thu được thực tế cho từng hoạt động của cơ sở và được tách riêng theo từng loại hoạt động.

MỤC D: TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ NGUỒN VỐN CỦA CƠ SỞ

- **Câu D1.** “Giá trị tài sản cố định có đến 01/7/2017” được tính theo giá mà cơ sở mua tài sản tại thời điểm mua.

- **Câu D2.** Giá trị hao mòn tài sản trong năm: Quy định tính từ 01/7/2016 đến 01/7/2017).

- **Câu D3.** Giá trị hao mòn TSCĐ tính đến 01/7/2017 (lũy kế): là tổng số tiền đã trích khấu hao các loại tài sản cố định vào chi phí sản xuất, kinh doanh tính đến thời điểm 01/7/2017.

- **Câu D4.** Tổng số tiền cơ sở đang vay, phải trả nợ (nợ phải trả): Ghi tổng các khoản nợ mà cơ sở phải trả tính đến thời điểm 01/7/2017.

- **Câu D5.** Số vốn của chính cơ sở bỏ ra để SXKD (vốn chủ sở hữu): Là toàn bộ nguồn vốn thuộc sở hữu của chủ cơ sở tại thời điểm 01/7/2017.

MỤC E: THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHÍ, LỆ PHÍ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Ghi số tiền mà cơ sở SXKD đã nộp, phải nộp cho cơ quan thuế trong 6 tháng đầu năm và ghi số sẽ phải nộp cho 6 tháng cuối năm. Cơ sở có thể nộp tại cơ quan thuế hoặc cán bộ thuế đến tận nơi thu theo qui định của nhà nước (không tính các khoản nộp không chính thức).

MỤC F. KHỐI LƯỢNG VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

- Số lượt hành khách (hoặc hàng hóa) vận chuyển: Là số lượt hành khách (khối lượng hàng hóa) thực tế đã được vận chuyển trong 6 tháng đầu năm 2017 và dự tính trong 6 tháng cuối năm 2017, không phân biệt độ dài quãng đường vận chuyển.

- Số lượt hành khách (hoặc hàng hóa) luân chuyển: được tính bằng cách lấy số lượt hành khách (hoặc khối lượng hàng hóa) vận chuyển nhân với cự ly vận chuyển thực tế. Cự ly vận chuyển thực tế là quãng đường được làm căn cứ để tính giá vé do cơ quan có thẩm quyền công bố.

- Phương tiện vận chuyển có tại 01/7/2017: Số lượng phương tiện vận tải chỉ tính số đầu phương tiện phục vụ cho hoạt động kinh doanh vận tải; không bao gồm số đầu phương tiện chỉ phục vụ cho mục đích đi lại của chủ cơ sở (không kinh doanh vận tải). Trọng tải của phương tiện ghi theo công suất thiết kế của phương tiện.

MỤC G: THÔNG TIN VỀ SỬ DỤNG MÁY TÍNH VÀ INTERNET

- Máy tính cơ sở dùng trong sản xuất kinh doanh: Không tính máy tính cơ sở sử dụng để kinh doanh trò chơi điện tử, dịch vụ internet.

- Lao động thường xuyên sử dụng máy tính: Là những người có sử dụng thường xuyên máy tính của cơ sở để thực hiện các công việc hàng ngày.

- Lao động thường xuyên sử dụng internet là lao động có truy cập internet ít nhất 1 lần một tuần tại cơ sở bằng bất kỳ thiết bị di động nào và cho các mục đích khác nhau kể cả không phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của cơ sở.

- Mua (hoặc bán) hàng qua mạng: Chỉ tính đối với những giao dịch thành công trong 6 tháng đầu năm 2017 giữa người mua và người bán (trao đổi hàng hóa, dịch vụ) thông qua mạng máy tính, bao gồm Internet.

MỤC H: TIẾP CẬN NGUỒN VỐN VÀ Ý KIẾN CỦA CƠ SỞ VỀ THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP:

Có thể lựa chọn một hoặc nhiều phương án trả lời.

In 10.588 bản, khổ 20,5 x 29,5 cm tại Công ty TNHH MTV In Thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ: 750 Hồng Bàng, P1, Q11, TP.HCM; Công ty TNHH MTV In và Phát hành biểu mẫu thống kê, địa chỉ: 47-55 ngõ 54 Nguyễn Chí Thanh, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội; Công ty Cổ phần In Khoa học Công nghệ Mới, địa chỉ: 181 Lạc Long Quân, Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội. QĐXB số: 39/QĐ-NXBTK của Giám đốc - Tổng Biên tập NXB Thống kê cấp ngày 14/3/2017. Số xác nhận ĐKXB: 225 - 2017/CXBIPH/16-03/TK của Cục Xuất bản, In và Phát hành cấp ngày 25/01/2017. In xong và nộp lưu chiểu Quý I/2017.